

Số: 124 /QĐ-TTGDQPAN

Gia Lai, ngày 31 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh
Khóa 51, năm học 2024-2025 cho sinh viên trình độ cao đẳng của
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-BGDĐT, ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 2861/QĐ-BQP, ngày 24/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ Thông tư số 10/2018/TT-BLDTBXH, ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLDTBXH, ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-TTGDQPAN, ngày 12/6/2024 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng xét công nhận kết quả học tập môn học, cấp Chứng chỉ giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên Khóa 51, tại phiên họp ngày 31/7/2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh Khóa 51, năm học 2024-2025 cho 318 sinh viên đào tạo trình độ cao đẳng (có danh sách kèm theo) của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn.

Điều 2. Ông (bà) Trưởng Phòng Đào tạo & Quản lý sinh viên, Trưởng các đơn vị và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn;
- Đăng website;
- Lưu: VT, PDTQLSV.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Đoàn Đức Tùng

DANH SÁCH XÉT KẾT QUẢ HỌC TẬP CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
KHÓA 51, NĂM HỌC 2024-2025

TRƯỜNG LIÊN KẾT: TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN
HP1: Giáo dục quốc phòng và an ninh 1 (02 tín chỉ - MHP 119006); HP2: Giáo dục quốc phòng và an ninh 2 (01 tín chỉ - MHP 119007)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 124/QĐ-TTGDQP-AN ngày 31/7/2025 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	ĐTB	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
1	C120578	Nguyễn Văn Tìn	10/02/1998	Nam	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	7.0	M	7.00		Khá	Đạt	
2	C140316	Nguyễn Thái Thiện	15/01/2002	Nam	Công nghệ thông tin	7.1	6.9	7.03		Khá	Đạt	
3	C15-0037	Nguyễn Xuân Biên	17/3/2003	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7.3	8.1	7.57		Khá	Đạt	
4	C150275	Hồ Huy Hoàng	12/9/2003	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.0	7.00		Khá	Đạt	
5	C160248	Hồ Ngọc Tiên	16/10/2004	Nam	Công nghệ ô tô	8.5	7.3	8.10		Giỏi	Đạt	
6	C170612	Nguyễn Thành An	21/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	6.8	M	6.80		Trung bình	Đạt	
7	C180013	Nguyễn Hồ Hoài Nam	18/7/2006	Nam	Cải gọi kim loại	7.1	8.3	7.50		Khá	Đạt	
8	C180014	Nguyễn Hoài Niêm	10/8/2006	Nam	Cải gọi kim loại	6.8	8.3	7.30		Khá	Đạt	
9	C180015	Nguyễn Văn Nghĩa	07/4/2006	Nam	Cải gọi kim loại	6.7	7.9	7.10		Khá	Đạt	
10	C180016	Lê Trọng Nghĩa	08/02/2006	Nam	Cải gọi kim loại	6.4	7.9	6.90		Trung bình	Đạt	
11	C180017	Đỗ Đình Nguyễn	15/9/2006	Nam	Cải gọi kim loại	6.4	7.9	6.90		Trung bình	Đạt	
12	C180018	Phan Thành Nhân	01/01/2006	Nam	Cải gọi kim loại	6.4	8.1	6.97		Trung bình	Đạt	
13	C180019	Phan Quốc Nhiên	10/12/2006	Nam	Cải gọi kim loại	5.8	6.7	6.10		Trung bình	Đạt	
14	C180020	Trần Triệu Nhật	29/6/2006	Nam	Cải gọi kim loại	7.0	7.5	7.17		Khá	Đạt	
15	C180021	Nguyễn Ngọc Quý	04/10/2006	Nam	Cải gọi kim loại	6.4	6.5	6.43		Trung bình	Đạt	
16	C180022	Nguyễn Thanh Quýết	25/3/2006	Nam	Cải gọi kim loại	6.8	7.9	7.17		Khá	Đạt	
17	C180023	Nguyễn Công Tiễn	24/6/2006	Nam	Cải gọi kim loại	6.7	6.5	6.63		Trung bình	Đạt	
18	C180024	Bùi Trung Tín	01/11/2006	Nam	Cải gọi kim loại	6.4	7.0	6.60		Trung bình	Đạt	
19	C180027	Hà Thái Tú	30/4/2006	Nam	Cải gọi kim loại	6.4	7.8	6.87		Trung bình	Đạt	
20	C180028	Đỗ Trường Thành	27/3/2006	Nam	Cải gọi kim loại	6.4	7.5	6.77		Trung bình	Đạt	
21	C180030	Trương Xuân Thọ	11/11/2005	Nam	Cải gọi kim loại	6.4	6.5	6.43		Trung bình	Đạt	
22	C180031	Nguyễn Hải Trường	15/02/2006	Nam	Cải gọi kim loại	6.8	6.5	6.70		Trung bình	Đạt	
23	C180032	Trần Ngọc Hải Âu	06/4/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.4	7.0	6.60		Trung bình	Đạt	
24	C180033	Nguyễn Ngọc Chiến	30/7/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	5.8	6.7	6.10		Trung bình	Đạt	
25	C180035	Nguyễn Hùng Dũng	12/8/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.4	6.5	6.43		Trung bình	Đạt	
26	C180036	Võ Quang Duy	08/6/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.4	7.5	6.77		Trung bình	Đạt	
27	C180037	Trần Trọng Đại	07/6/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7.0	8.1	7.37		Khá	Đạt	
28	C180038	Nguyễn Tấn Đại	19/11/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.4	7.6	6.80		Trung bình	Đạt	
29	C180039	Nguyễn Hữu Đức	01/10/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.8	7.3	6.97		Trung bình	Đạt	
30	C180040	Võ Thành Đức	20/3/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.7	7.6	7.00		Khá	Đạt	
31	C180041	Dương Thanh Giang	07/9/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.4	7.9	6.90		Trung bình	Đạt	
32	C180042	Lê Thanh Hải	12/5/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.4	6.7	6.50		Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	DTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
33	C180043	Lê Anh	25/8/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,3	6,70	Trung bình	Đạt	
34	C180044	Lê Văn	25/12/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	6,5	6,43	Trung bình	Đạt	
35	C180045	Đỗ Trần Minh	07/5/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7,1	8,1	7,43	Khá	Đạt	
36	C180046	Nguyễn Hữu	29/8/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,7	8,0	7,13	Khá	Đạt	
37	C180047	Vân Công	25/02/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,9	6,90	Trung bình	Đạt	
38	C180048	Lê Quang	09/6/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,4	6,73	Trung bình	Đạt	
39	C180049	Võ Thái	23/01/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	6,6	6,47	Trung bình	Đạt	
40	C180050	Nguyễn Hữu	18/9/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7,1	8,9	7,70	Khá	Đạt	
41	C180051	Lê Văn	21/12/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	5,8	8,1	6,57	Trung bình	Đạt	
42	C180052	Phạm Anh	10/5/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,8	8,7	7,43	Khá	Đạt	
43	C180053	Bùi Hữu	27/9/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,8	7,0	6,87	Trung bình	Đạt	
44	C180054	Trần Thanh	15/02/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,7	7,0	6,80	Trung bình	Đạt	
45	C180055	Nguyễn Thành	22/10/2005	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	6,5	6,43	Trung bình	Đạt	
46	C180056	Man Lê Như	04/02/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,5	6,77	Trung bình	Đạt	
47	C180057	Trần Duy	25/5/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,8	6,87	Trung bình	Đạt	
48	C180058	Huyền Thanh	22/10/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,8	7,0	6,87	Trung bình	Đạt	
49	C180059	Hồ Đại	11/12/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,0	6,60	Trung bình	Đạt	
50	C180060	Nguyễn Thành	01/4/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	6,7	6,50	Trung bình	Đạt	
51	C180062	Hà Đại	02/01/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,8	6,87	Trung bình	Đạt	
52	C180063	Lý Thanh	06/3/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7,0	6,9	6,97	Trung bình	Đạt	
53	C180064	Nguyễn Hữu	01/9/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,3	6,70	Trung bình	Đạt	
54	C180066	Huyền Trương Trung	08/4/2003	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,8	7,6	7,07	Khá	Đạt	
55	C180068	Trần Anh	#VALUE!	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,0	6,60	Trung bình	Đạt	
56	C180069	Số Minh Hoàng	09/9/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	5,8	7,8	6,47	Trung bình	Đạt	
57	C180070	Phạm Văn	23/7/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	5,8	7,9	6,50	Trung bình	Đạt	
58	C180071	Nguyễn Hữu	30/9/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	8,1	6,97	Trung bình	Đạt	
59	C180073	Đặng Văn	16/01/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,6	6,80	Trung bình	Đạt	
60	C180074	Nguyễn Ngọc	24/4/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,1	6,63	Trung bình	Đạt	
61	C180075	Lê Văn	03/11/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,9	6,90	Trung bình	Đạt	
62	C180076	Châu Văn	28/7/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,7	6,83	Trung bình	Đạt	
63	C180077	Đinh Văn	15/10/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7,0	8,4	7,47	Khá	Đạt	
64	C180078	Nguyễn Ngọc	19/9/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,9	6,90	Trung bình	Đạt	
65	C180079	Trần Công	17/10/2005	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6,4	7,4	6,73	Trung bình	Đạt	
66	C180081	Đỗ Hoàng Gia	02/01/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	5,8	7,9	6,50	Trung bình	Đạt	
67	C180082	Trần Minh	15/10/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7,0	8,4	7,47	Khá	Đạt	
68	C180083	Nguyễn Trung	06/3/2005	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	7,0	7,8	7,27	Khá	Đạt	
69	C180084	Võ Hoài	16/7/2006	Nam	Hàn	6,4	7,9	6,90	Trung bình	Đạt	
70	C180085	Vân Chí	29/11/2005	Nam	Hàn	6,8	8,7	7,43	Khá	Đạt	
71	C180086	Nguyễn Văn	05/5/2006	Nam	Hàn	6,4	7,7	6,83	Trung bình	Đạt	
72	C180088	Ngô Hoàng	15/11/2006	Nam	Hàn	5,8	7,9	6,50	Trung bình	Đạt	
73	C180090	Trương Quốc	06/7/2006	Nam	Hàn	6,4	7,4	6,73	Trung bình	Đạt	
74	C180091	Phan Tuấn	08/12/2006	Nam	Hàn	6,4	7,4	6,73	Trung bình	Đạt	
75	C180092	Nguyễn	23/9/2005	Nam	Hàn	6,4	6,6	6,47	Trung bình	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	ĐTBCT	Xếp loại	Kết quả xét	Chú chú
76	C180093	Gyur	Gyur	16/10/2006	Nam	Hàn	7.6	6.9	7.37	Khá	Đạt	
77	C180094	Phạm Văn	Hậu	07/11/2006	Nam	Hàn	7.0	7.9	7.30	Khá	Đạt	
78	C180096	Vô Quốc	Hiền	17/01/2006	Nam	Hàn	7.0	7.1	7.03	Khá	Đạt	
79	C180097	Hà Việt	Hùng	12/12/2006	Nam	Hàn	6.4	6.9	6.57	Trung bình	Đạt	
80	C180099	Trần Quang	Huy	28/7/2006	Nam	Hàn	7.4	8.4	7.73	Khá	Đạt	
81	C180102	Lương Duy	Khánh	27/6/2006	Nam	Hàn	7.3	7.7	7.43	Khá	Đạt	
82	C180104	Phan Duy	Lợi	10/4/2006	Nam	Hàn	7.0	7.7	7.23	Khá	Đạt	
83	C180105	Vô Trọng	Nghĩa	21/3/2006	Nam	Hàn	7.0	7.1	7.03	Khá	Đạt	
84	C180106	Nguyễn Minh	Nhất	08/6/2006	Nam	Hàn	7.0	7.9	7.30	Khá	Đạt	
85	C180107	Lê Hoàng	Phúc	21/6/2006	Nam	Hàn	7.0	7.9	7.30	Khá	Đạt	
86	C180108	Phạm Minh	Quang	06/01/2006	Nam	Hàn	6.4	7.9	6.90	Trung bình	Đạt	
87	C180110	Nguyễn Văn	Sỹ	27/10/2005	Nam	Hàn	7.0	7.7	7.23	Khá	Đạt	
88	C180111	Cổng Văn	Tiến	06/9/2006	Nam	Hàn	6.4	7.4	6.73	Trung bình	Đạt	
89	C180112	Trần Trung	Tin	11/3/2005	Nam	Hàn	7.3	7.9	7.50	Khá	Đạt	
90	C180114	Hoàng Minh	Tuấn	19/02/2006	Nam	Hàn	6.8	8.7	7.43	Khá	Đạt	
91	C180115	La O	Ty	10/12/2006	Nam	Hàn	6.1	7.9	6.70	Trung bình	Đạt	
92	C180116	Nguyễn Đức	Thái	13/7/2006	Nam	Hàn	6.4	7.7	6.83	Trung bình	Đạt	
93	C180117	Nguyễn Ngọc	Thanh	23/9/2006	Nam	Hàn	7.0	7.4	7.13	Khá	Đạt	
94	C180118	Lê Minh	Thuận	29/3/2006	Nam	Hàn	7.1	8.6	7.60	Khá	Đạt	
95	C180119	Huyền Minh	Trung	12/4/2006	Nam	Hàn	6.4	7.9	6.90	Trung bình	Đạt	
96	C180232	Bùi Ngọc	Tuấn	18/01/2003	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.9	7.5	7.10	Khá	Đạt	
97	C180377	Lê Chí	Quyển	13/10/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.9	7.0	6.93	Trung bình	Đạt	
98	C180411	Phan Lâm Thanh	An	20/6/2006	Nam	Công nghệ thông tin	7.6	8.1	7.77	Khá	Đạt	
99	C180412	Nguyễn Tuấn	Anh	12/01/2006	Nam	Công nghệ thông tin	6.2	7.6	6.67	Trung bình	Đạt	
100	C180413	Đặng Văn	Duy	12/3/2004	Nam	Công nghệ thông tin	5.7	M	5.70	Trung bình	Đạt	
101	C180414	Nguyễn Hoàng	Đạt	04/5/2006	Nam	Công nghệ thông tin	7.3	7.2	7.27	Khá	Đạt	
102	C180416	Đặng Hưu	Hiệp	25/9/2005	Nam	Công nghệ thông tin	7.3	7.5	7.37	Khá	Đạt	
103	C180417	Nguyễn Mạnh	Khải	10/4/2006	Nam	Hướng dẫn du lịch	6.4	8.0	6.93	Trung bình	Đạt	
104	C180418	Nguyễn Trần Khắc	Hiếu	19/3/2002	Nam	Công nghệ thông tin	6.9	6.5	6.77	Trung bình	Đạt	
105	C180420	Lê Huy	Hoàng	09/6/2006	Nam	Công nghệ thông tin	6.6	7.9	7.03	Khá	Đạt	
106	C180421	Nguyễn Gia	Hợp	16/3/2006	Nam	Công nghệ thông tin	5.9	7.4	6.40	Trung bình	Đạt	
107	C180423	Tôn Thái	Khang	23/12/2006	Nam	Công nghệ thông tin	5.9	6.5	6.10	Trung bình	Đạt	
108	C180424	Nguyễn Thành	Lưu	17/8/2006	Nam	Công nghệ thông tin	7.5	7.3	7.43	Khá	Đạt	
109	C180426	Lê Thanh	Lưu	08/7/2006	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.1	7.03	Khá	Đạt	
110	C180427	Đinh Thị	Ngọc	18/3/2005	Nữ	Công nghệ thông tin	8.6	8.3	8.50	Giỏi	Đạt	
111	C180429	Lê Thị Ngọc	Quang	02/7/2006	Nữ	Công nghệ thông tin	8.2	7.9	8.10	Giỏi	Đạt	
112	C180430	Lê Công	Quang	18/4/2006	Nam	Công nghệ thông tin	6.9	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
113	C180431	Nguyễn Sư	Tiến	28/9/2006	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.4	7.13	Khá	Đạt	
114	C180433	Nguyễn Tân	Thành	22/11/2006	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.9	7.30	Khá	Đạt	
115	C180435	Đinh Thị	Thoa	28/02/2005	Nữ	Công nghệ thông tin	7.6	8.1	7.77	Khá	Đạt	
116	C180436	Phan Công	Trí	03/9/2006	Nam	Công nghệ thông tin	6.6	7.6	6.93	Trung bình	Đạt	
117	C180438	Trình Đại	Vũ	21/12/2003	Nam	Công nghệ thông tin	7.6	M	7.60	Khá	Đạt	
118	C180440	Trần Long Già	Bao	30/10/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	7.0	7.9	7.30	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	ĐTBCT	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
119	C180441	Lâm Quang	31/7/2005	Nam	Điện tử công nghiệp	7.0	6.9	6.97	Trung bình	Đạt	
120	C180442	Nguyễn Thanh	11/5/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.5	7.3	6.77	Trung bình	Đạt	
121	C180443	Ngô Phi	09/3/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.0	8.2	6.73	Trung bình	Đạt	
122	C180445	Vương Ngọc	13/02/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.5	8.6	7.20	Khá	Đạt	
123	C180446	Trần Gia	04/3/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.9	7.5	7.10	Khá	Đạt	
124	C180448	Hồ Ngọc	26/11/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.6	M	6.60	Trung bình	Đạt	
125	C180449	Đinh Thành	05/11/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	7.0	7.3	7.10	Khá	Đạt	
126	C180450	Nguyễn Văn	01/4/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.0	7.3	6.43	Trung bình	Đạt	
127	C180451	Vô Văn	04/10/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.6	7.2	6.80	Trung bình	Đạt	
128	C180452	Trần Gia	21/8/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.0	7.3	6.43	Trung bình	Đạt	
129	C180453	Đặng Võ Thanh	28/8/2005	Nam	Điện tử công nghiệp	5.6	7.7	6.30	Trung bình	Đạt	
130	C180454	Nguyễn Hữu	16/10/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.6	8.7	7.30	Khá	Đạt	
131	C180455	Nguyễn Ngọc	24/12/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.7	7.7	7.03	Khá	Đạt	
132	C180457	Phạm Lý Thu	14/02/2006	Nữ	Điện tử công nghiệp	8.2	7.3	7.90	Khá	Đạt	
133	C180459	Vô Chí	03/7/2006	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.0	7.3	7.10	Khá	Đạt	
134	C180462	Phan Triệu	20/3/2006	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.4	6.9	7.23	Khá	Đạt	
135	C180463	Hồ Thị	03/8/1985	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.6	8.0	7.73	Khá	Đạt	
136	C180464	Nguyễn Thị Ngọc	21/02/2006	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.6	7.9	7.70	Khá	Đạt	
137	C180465	Cao Thanh	25/11/2006	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.9	7.1	6.97	Trung bình	Đạt	
138	C180466	Hồ Ngọc	28/12/2006	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.0	7.1	7.03	Khá	Đạt	
139	C180467	Nguyễn Quang	28/11/2002	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.7	6.6	6.67	Trung bình	Đạt	
140	C180468	Hồ Quốc	31/3/2006	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.0	6.9	6.97	Trung bình	Đạt	
141	C180469	Nguyễn Quang	06/10/2006	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.1	7.0	7.07	Khá	Đạt	
142	C180471	Phan Duy	06/02/2006	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.1	7.4	7.20	Khá	Đạt	
143	C180472	Nguyễn Sốt	25/10/2005	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.9	6.9	6.90	Trung bình	Đạt	
144	C180473	Phan Ngọc	04/8/2006	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.3	6.7	7.10	Khá	Đạt	
145	C180474	Nguyễn Hà Ngọc	30/9/2005	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.3	7.3	6.63	Trung bình	Đạt	
146	C180476	Trương Văn	06/01/2004	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.0	7.1	7.03	Khá	Đạt	
147	C180477	Trần	20/10/1987	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.9	8.0	7.93	Khá	Đạt	
148	C180478	Nguyễn Thị Cẩm	19/6/2006	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.0	7.7	7.23	Khá	Đạt	
149	C180479	Trần Thị Hồng	17/01/2006	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	8.0	7.9	7.97	Khá	Đạt	
150	C180480	Hồ Thị Thanh	28/10/2006	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.6	8.0	7.73	Khá	Đạt	
151	C180482	Trần DZũ	01/02/2006	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.9	8.5	8.10	Giỏi	Đạt	
152	C180483	Phạm Hoài	29/9/2005	Nữ	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.9	8.2	8.00	Giỏi	Đạt	
153	C180485	Đặng Thiên	22/7/2005	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.5	7.3	6.77	Trung bình	Đạt	
154	C180486	Nguyễn Ngọc Thanh	28/10/2006	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.1	6.7	6.97	Trung bình	Đạt	
155	C180490	Vô Hoàng Minh	08/6/2005	Nam	Hướng dẫn du lịch	7.0	8.0	7.33	Khá	Đạt	
156	C180491	Hồ Thanh	27/9/2006	Nam	Hướng dẫn du lịch	6.4	8.5	7.10	Khá	Đạt	
157	C180492	Trần Huỳnh	19/5/2006	Nam	Hướng dẫn du lịch	6.4	7.5	6.77	Trung bình	Đạt	
158	C180493	Lê Thị Mỹ	27/01/2003	Nữ	Hướng dẫn du lịch	8.0	9.1	8.37	Giỏi	Đạt	
159	C180494	Nguyễn Lê Phương	18/9/2004	Nam	Hướng dẫn du lịch	7.0	8.2	7.40	Khá	Đạt	
160	C180496	Lê Thành	17/12/2006	Nam	Quan tị khách sạn	7.0	7.2	7.07	Khá	Đạt	
161	C180497	Hồ Duy	25/7/2005	Nam	Quan tị khách sạn	7.0	7.1	7.03	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghành học	HP1	HP2	ĐTBCT	Xếp loại	Kết quả xét	Chí chú
162	C180498	Lê Thị Hà	21/8/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.3	7.9	7.50	Khá	Đạt	
163	C180500	Trương Thị Hoài	20/6/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.3	7.6	7.40	Khá	Đạt	
164	C180502	Nguyễn Thị Mỹ	04/4/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.3	8.8	7.80	Khá	Đạt	
165	C180503	Trần Thị Mỹ	09/5/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	8.0	7.6	7.87	Khá	Đạt	
166	C180504	Mai Đoàn	31/01/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.6	7.3	7.50	Khá	Đạt	
167	C180506	Hà Thị Thu	10/5/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.9	7.6	7.80	Khá	Đạt	
168	C180507	Võ Ngọc	28/01/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.6	7.3	7.50	Khá	Đạt	
169	C180508	Trần Thị Mỹ	20/12/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.6	8.5	7.90	Khá	Đạt	
170	C180509	Lê Nguyễn Ngọc	14/7/2006	Nữ	Hội họa	7.9	8.6	8.13	Giỏi	Đạt	
171	C180510	Nguyễn Thị	21/02/2006	Nữ	Hội họa	7.6	8.0	7.73	Khá	Đạt	
172	C180511	Nguyễn Phi	10/11/2006	Nam	Hội họa	7.9	6.5	7.43	Khá	Đạt	
173	C180512	Huyền Thảo	19/9/2005	Nữ	Hội họa	7.9	M	7.90	Khá	Đạt	
174	C180514	Lê Nguyễn Thanh	12/3/2006	Nam	Hội họa	6.0	7.1	6.37	Trung bình	Đạt	
175	C180515	Võ Nguyễn	04/6/2006	Nam	Hội họa	6.3	7.3	6.63	Trung bình	Đạt	
176	C180516	Nguyễn Huỳnh Tường	04/01/2004	Nữ	Hội họa	7.6	7.7	7.63	Khá	Đạt	
177	C180517	Lê Thị Ngọc	18/11/2004	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	7.9	9.1	8.30	Giỏi	Đạt	
178	C180518	Trần Thị Thanh	03/10/2006	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	8.0	8.6	8.20	Giỏi	Đạt	
179	C180519	Huỳnh Quốc	20/02/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	6.7	7.3	6.90	Trung bình	Đạt	
180	C180520	Trần Văn	20/01/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.6	7.5	7.57	Khá	Đạt	
181	C180521	Huyền Nhật	28/02/2003	Nam	Chăn nuôi - Thú y	8.0	M	8.00	Giỏi	Đạt	
182	C180522	Nguyễn Quốc	12/10/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	6.9	6.7	6.83	Trung bình	Đạt	
183	C180524	Nguyễn Thị Quỳnh	16/6/2006	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	7.9	8.5	8.10	Giỏi	Đạt	
184	C180526	Lê Đình	28/01/2005	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.0	6.7	6.90	Trung bình	Đạt	
185	C180527	Nguyễn Trương	03/02/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.3	6.7	7.10	Khá	Đạt	
186	C180528	Nguyễn Huỳnh Trúc	15/10/2006	Nữ	Chăn nuôi - Thú y	7.9	8.3	8.03	Giỏi	Đạt	
187	C180529	Dỗ Kim	05/4/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.6	7.1	7.43	Khá	Đạt	
188	C180530	Lê Đình	09/02/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.1	7.1	7.10	Khá	Đạt	
189	C180531	Nguyễn Minh	28/5/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.0	6.9	6.97	Trung bình	Đạt	
190	C180532	Huỳnh Quốc	20/4/2001	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.4	M	7.40	Khá	Đạt	
191	C180533	Đoàn Hữu	13/8/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.0	7.5	7.17	Khá	Đạt	
192	C180534	Trần Công	03/10/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.9	7.8	7.87	Khá	Đạt	
193	C180535	Đặng Ngọc	18/10/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	6.9	7.6	7.13	Khá	Đạt	
194	C180537	Đặng Anh	17/5/1994	Nam	Chăn nuôi - Thú y	8.3	9.0	8.53	Giỏi	Đạt	
195	C180538	Đặng Văn	22/9/2006	Nam	Cắt gọt kim loại	6.4	7.3	6.70	Trung bình	Đạt	
196	C180539	Đinh Văn	25/11/2005	Nam	Cắt gọt kim loại	6.4	8.4	7.07	Khá	Đạt	
197	C180540	Vũ Quốc	11/8/2006	Nam	Cắt gọt kim loại	6.4	7.3	6.70	Trung bình	Đạt	
198	C180541	Đặng Minh	21/10/2006	Nam	Cắt gọt kim loại	5.8	7.1	6.23	Trung bình	Đạt	
199	C180543	Phạm Nguyễn Thái	25/7/2006	Nam	Cắt gọt kim loại	5.8	7.1	6.23	Trung bình	Đạt	
200	C180544	Lê Minh	03/01/2006	Nam	Cắt gọt kim loại	6.8	7.9	7.17	Khá	Đạt	
201	C180545	Cao Tân	10/7/2006	Nam	Cắt gọt kim loại	5.8	7.6	6.40	Trung bình	Đạt	
202	C180546	Phan Công	02/6/2006	Nam	Cắt gọt kim loại	6.4	8.1	6.97	Trung bình	Đạt	
203	C180547	Nguyễn Hồng	25/7/2006	Nam	Cắt gọt kim loại	6.4	7.6	6.80	Trung bình	Đạt	
204	C180548	Hồ Bảo	10/8/2006	Nam	Cắt gọt kim loại	7.0	7.6	7.20	Khá	Đạt	
205	C180564	Nguyễn Thị Cẩm	18/02/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.6	7.9	7.70	Khá	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP1	HP2	DTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
206	C180565	Vô Ngọc	25/6/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.9	7.9	7.90	Khá	Đạt	
207	C180570	Lê Đức	07/3/2006	Nam	Cắt gọt kim loại	6.4	7.3	6.70	Trung bình	Đạt	
208	C180571	Nguyễn Thị Ngọc	08/8/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.6	8.8	8.00	Giỏi	Đạt	
209	C180572	Nguyễn Quốc	03/3/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.4	7.6	6.80	Trung bình	Đạt	
210	C180575	Nguyễn Văn	31/12/2006	Nam	Hàn	7.4	7.9	7.57	Khá	Đạt	
211	C180576	Đặng Lê Khôi	02/8/2006	Nam	Hàn	6.4	6.9	6.57	Trung bình	Đạt	
212	C180577	Lê Thị	29/10/2005	Nữ	Quản trị khách sạn	7.9	7.3	7.70	Khá	Đạt	
213	C180578	Nguyễn Thị Hoàng	16/7/2006	Nữ	Hướng dẫn du lịch	8.6	7.9	8.37	Giỏi	Đạt	
214	C180580	Đặng Thành	18/1/1989	Nam	Hướng dẫn du lịch	6.4	M	6.40	Trung bình	Đạt	
215	C180582	Lê Thị	25/10/2005	Nữ	Hướng dẫn du lịch	8.5	6.7	7.90	Khá	Đạt	
216	C180583	Vô Thị Ngọc	12/3/2005	Nữ	Hướng dẫn du lịch	8.3	7.9	8.17	Giỏi	Đạt	
217	C180584	Phan Công	09/02/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.0	6.7	6.23	Trung bình	Đạt	
218	C180645	Trần Quang	12/12/2005	Nam	Công nghệ thông tin	6.6	7.5	6.90	Trung bình	Đạt	
219	C180646	Huỳnh Thanh	05/02/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	5.9	7.6	6.47	Trung bình	Đạt	
220	C180649	Nguyễn San	13/8/2006	Nữ	Hướng dẫn du lịch	8.0	7.0	7.67	Khá	Đạt	
221	C180650	Nguyễn Thị Phương	14/7/2006	Nữ	Hướng dẫn du lịch	8.6	8.0	8.40	Giỏi	Đạt	
222	C180651	Đỗ Hữu	02/1/2006	Nam	Hướng dẫn du lịch	6.4	8.5	7.10	Khá	Đạt	
223	C180652	Phạm Hữu	31/7/2006	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	6.5	7.1	6.70	Trung bình	Đạt	
224	C180653	Phạm Hùng	22/9/2006	Nam	Kỹ thuật chế biến món ăn	7.0	7.1	7.03	Khá	Đạt	
225	C180679	Đông Nguyễn Hoài	01/12/2003	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.7	7.23	Khá	Đạt	
226	C180680	Nguyễn Quốc	06/8/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	6.7	7.6	7.00	Khá	Đạt	
227	C180698	Đặng Gia	08/9/2006	Nam	Điện tử công nghiệp	7.3	7.1	7.23	Khá	Đạt	
228	C180703	Hồ Sơn	07/3/2006	Nam	Hàn	6.4	6.6	6.47	Trung bình	Đạt	
229	C180704	Nguyễn Khánh	05/5/2006	Nữ	Công nghệ thông tin	7.0	7.9	7.30	Khá	Đạt	
230	C180705	Nguyễn Nam	28/4/2006	Nam	Quản trị khách sạn	7.6	7.3	7.50	Khá	Đạt	
231	C180706	Vô Nguyễn Yên	31/8/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.0	6.7	6.90	Trung bình	Đạt	
232	C180707	Huỳnh Nguyễn Yên	18/6/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.6	7.3	7.50	Khá	Đạt	
233	C180721	Trần Ngọc	22/1/2002	Nam	Kế toán doanh nghiệp	7.0	8.4	7.47	Khá	Đạt	
234	C180722	Lâm Ai	02/6/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.9	7.6	7.80	Khá	Đạt	
235	C180723	Vô Lê Cẩm	12/9/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.4	8.8	7.87	Khá	Đạt	
236	C180724	Nguyễn Thị Mỹ	03/6/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.3	8.8	7.80	Khá	Đạt	
237	C180725	Nguyễn Lê Bảo	31/5/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	8.0	7.3	7.77	Khá	Đạt	
238	C180729	Nguyễn Thị Cẩm	12/6/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.7	9.1	8.17	Giỏi	Đạt	
239	C180730	Hà Tường	02/4/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.9	7.0	7.60	Khá	Đạt	
240	C180733	Huỳnh Gia	22/7/2005	Nữ	Quản trị kinh doanh	7.6	7.9	7.70	Khá	Đạt	
241	C180734	Đỗ Thị Phúc	15/12/2006	Nữ	Quản trị kinh doanh	7.6	7.0	7.40	Khá	Đạt	
242	C180736	Nguyễn Thị Ngọc	10/6/2006	Nữ	Quản trị kinh doanh	7.9	7.3	7.70	Khá	Đạt	
243	C180737	Nguyễn Thị Hồng	10/9/2004	Nữ	Quản trị kinh doanh	7.6	7.3	7.50	Khá	Đạt	
244	C180739	Trần Anh	13/11/2006	Nữ	Quản trị kinh doanh	7.1	7.3	7.17	Khá	Đạt	
245	C180748	Nguyễn Hữu	02/6/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.4	7.1	6.63	Trung bình	Đạt	
246	C180750	Nguyễn Hiếu	25/9/2006	Nam	Quản trị nhà hàng	7.0	6.7	6.90	Trung bình	Đạt	
247	C180752	Bùi Đình An	07/5/2006	Nam	Quản trị nhà hàng	7.7	6.9	7.43	Khá	Đạt	
248	C180753	Ngô Thị Mỹ	12/12/2005	Nữ	Quản trị nhà hàng	8.0	8.2	8.07	Giỏi	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP1	HP2	ĐTB	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
249	C180754	Phạm Quốc	28/5/2005	Nam	Quản trị nhà hàng	7.0	8.5	7.50	Khá	Đạt	
250	C180755	Đỗ Thị Thanh	04/01/2006	Nữ	Quản trị nhà hàng	7.9	9.5	8.43	Giỏi	Đạt	
251	C180756	Nguyễn Trúc	31/7/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	8.5	8.5	8.50	Giỏi	Đạt	
252	C180757	Mai Trúc	11/01/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	8.5	7.0	8.00	Giỏi	Đạt	
253	C180774	Đinh Hữu	27/9/2006	Nam	Công nghệ thông tin	6.9	7.3	7.03	Khá	Đạt	
254	C180775	Hồ Đức	10/01/2006	Nam	Công nghệ thông tin	6.3	8.5	7.03	Khá	Đạt	
255	C180776	Phạm Công	02/01/2006	Nam	Công nghệ thông tin	4.9	7.6	5.80	Trung bình	Đạt	
256	C180791	Phan Công	02/9/2006	Nam	Công nghệ thông tin	6.8	8.3	7.30	Khá	Đạt	
257	C180792	Vô Văn	18/5/2004	Nam	Điện tử công nghiệp	6.3	6.6	6.40	Trung bình	Đạt	
258	C180798	Lê Nguyễn Trúc	25/9/2005	Nữ	Công nghệ thông tin	7.0	8.1	7.37	Khá	Đạt	
259	C180799	Chu Thị Mỹ	09/02/2006	Nữ	Công nghệ thông tin	7.5	8.3	7.77	Khá	Đạt	
260	C180800	Huyền Gia	20/10/2006	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.3	7.10	Khá	Đạt	
261	C180806	Nguyễn Thị Ngọc	28/9/2006	Nữ	Hướng dẫn du lịch	8.0	7.6	7.87	Khá	Đạt	
262	C180807	Đinh Nguyễn Hữu	08/02/2006	Nam	Hướng dẫn du lịch	6.4	7.7	6.83	Trung bình	Đạt	
263	C180810	Phùng Thanh Trúc	28/9/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	8.5	7.6	8.20	Giỏi	Đạt	
264	C180811	Nguyễn Anh	03/12/2003	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	8.5	7.6	8.20	Giỏi	Đạt	
265	C180812	Mai Thị	25/02/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.6	8.5	7.90	Khá	Đạt	
266	C180819	Hồ Thị Kim	29/01/2003	Nữ	Quản trị kinh doanh	7.9	8.2	8.00	Giỏi	Đạt	
267	C180821	Nguyễn Trần Minh	23/6/2006	Nữ	Quản trị kinh doanh	7.9	8.5	8.10	Giỏi	Đạt	
268	C180822	Vô Gia	09/8/2006	Nam	Quản trị khách sạn	7.0	8.2	7.40	Khá	Đạt	
269	C180823	Nguyễn Thị Thanh	10/11/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	8.0	7.6	7.87	Khá	Đạt	
270	C180824	Lê Nguyễn Quỳnh	19/4/2006	Nữ	Quản trị khách sạn	7.7	7.9	7.77	Khá	Đạt	
271	C180826	Ngô Duy	01/10/2006	Nam	Quản trị nhà hàng	6.7	7.4	6.93	Trung bình	Đạt	
272	C180828	Trần Minh	28/5/2006	Nam	Tiếng Anh	8.3	8.2	8.27	Giỏi	Đạt	
273	C180829	Tương Thanh	18/6/2003	Nam	Tiếng Anh	7.1	6.5	6.90	Trung bình	Đạt	
274	C180830	Đặng Lê	19/3/2006	Nữ	Tiếng Anh	7.6	8.5	7.90	Khá	Đạt	
275	C180831	Nguyễn Đức	01/4/2006	Nữ	Tiếng Anh	8.1	9.2	8.47	Giỏi	Đạt	
276	C180832	Nguyễn Thanh	22/9/2006	Nữ	Tiếng Anh	8.1	8.6	8.27	Giỏi	Đạt	
277	C180833	Tạ Thị Xuân	05/02/2006	Nữ	Tiếng Anh	8.3	9.6	8.73	Giỏi	Đạt	
278	C180834	Đinh Thị Anh	06/01/2006	Nữ	Tiếng Anh	8.0	8.5	8.17	Giỏi	Đạt	
279	C180835	Lê Thị Bích	22/12/2006	Nữ	Tiếng Anh	8.3	9.0	8.53	Giỏi	Đạt	
280	C180836	Lê Thị Hồng	10/6/2006	Nữ	Tiếng Anh	7.9	8.6	8.13	Giỏi	Đạt	
281	C180843	Nguyễn Thanh	31/8/2006	Nam	Công nghệ thông tin	6.9	8.0	7.27	Khá	Đạt	
282	C180845	Đinh Trần Đăng	27/10/2006	Nam	Công nghệ thông tin	7.3	8.5	7.70	Khá	Đạt	
283	C180846	Phan Hoài	22/11/2004	Nam	Công nghệ thông tin	7.4	7.5	7.43	Khá	Đạt	
284	C180847	Nguyễn Văn	21/02/2005	Nam	Công nghệ thông tin	8.1	8.2	8.13	Giỏi	Đạt	
285	C180848	Nguyễn Bùi Cao	25/9/2001	Nam	Công nghệ thông tin	7.0	7.1	7.03	Khá	Đạt	
286	C180849	Phan Thành	03/10/2006	Nam	Chăm nuôi - Thú y	6.9	7.6	7.13	Khá	Đạt	
287	C180853	Đinh Tiến	11/4/2005	Nam	Điện tử công nghiệp	6.6	7.1	6.77	Trung bình	Đạt	
288	C180858	Lê Hồng	18/9/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.3	7.0	7.20	Khá	Đạt	
289	C180862	Lê Thị Kim	28/02/2002	Nữ	Quản trị kinh doanh	8.6	8.5	8.57	Giỏi	Đạt	
290	C180863	Tạ Hữu	05/02/2005	Nam	Quản trị nhà hàng	6.0	7.0	6.33	Trung bình	Đạt	
291	C180867	Lê Võ Huyền	18/12/2005	Nữ	Quản trị khách sạn	7.9	8.9	8.23	Giỏi	Đạt	

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Ngành học	HP1	HP2	DTBC	Xếp loại	Kết quả xét	Ghi chú
292	C180878	Dinh Văn	20/9/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.4	7.4	6.73	Trung bình	Đạt	
293	C180881	Trần Huy	05/02/2001	Nam	Công nghệ thông tin	7.5	9.0	8.00	Giỏi	Đạt	
294	C180882	Nguyễn An	12/6/2005	Nam	Công nghệ thông tin	6.3	6.9	6.50	Trung bình	Đạt	
295	C180884	Tô Văn	16/11/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	6.7	6.7	6.70	Trung bình	Đạt	
296	C180885	Huyền Kiên	30/10/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	6.6	7.0	6.73	Trung bình	Đạt	
297	C180888	Nguyễn Văn	06/5/2005	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.3	7.5	7.37	Khá	Đạt	
298	C180889	Nguyễn Hải	05/4/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	6.3	7.9	6.83	Trung bình	Đạt	
299	C180890	Nguyễn Văn	10/10/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.5	6.9	7.30	Khá	Đạt	
300	C180891	Dinh Thanh	22/5/2006	Nam	Chăn nuôi - Thú y	6.0	7.6	6.53	Trung bình	Đạt	
301	C180901	Nguyễn Thị Bích	17/9/2006	Nữ	Tiếng Anh	7.9	8.5	8.10	Giỏi	Đạt	
302	C180916	Nguyễn Thị Thu	04/7/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.0	6.7	6.90	Trung bình	Đạt	
303	C180917	Dương Thị Hồng	01/8/2006	Nữ	Quản trị nhà hàng	7.7	8.9	8.10	Giỏi	Đạt	
304	C180918	Đỗ Lê Khánh	17/4/2006	Nữ	Hướng dẫn du lịch	7.0	6.7	6.90	Trung bình	Đạt	
305	C180920	Nguyễn Thị Hồng	05/4/2006	Nữ	Thanh nhạc	8.0	8.5	8.17	Giỏi	Đạt	
306	C180921	Dinh Thanh	22/8/2006	Nam	Thanh nhạc	6.4	6.9	6.57	Trung bình	Đạt	
307	C180922	Hà Như	30/5/2006	Nữ	Thanh nhạc	7.0	8.3	7.43	Khá	Đạt	
308	C180924	Nguyễn Trần Anh	04/02/2005	Nam	Thanh nhạc	8.0	7.6	7.87	Khá	Đạt	
309	C180925	Nguyễn Thị Trúc	18/01/2006	Nữ	Tiếng Anh	7.9	8.6	8.13	Giỏi	Đạt	
310	C180939	Bùi Sơn Võ	11/12/2006	Nam	Chế tạo thiết bị cơ khí	6.4	8.4	7.07	Khá	Đạt	
311	C180952	Lưu Thị Tuyết	21/7/2006	Nữ	Quản trị kinh doanh	8.0	7.9	7.97	Khá	Đạt	
312	C180954	Trần Lê Như	27/02/2006	Nữ	Quản trị nhà hàng	8.5	8.5	8.50	Giỏi	Đạt	
313	C180963	Trần Thị Thanh	08/6/2006	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	7.9	7.3	7.70	Khá	Đạt	
314	C180965	Lê Thanh	11/7/2005	Nam	Điện công nghiệp	7.0	8.3	7.43	Khá	Đạt	
315	C180983	Lê Tuấn	03/12/2001	Nam	Chăn nuôi - Thú y	7.0	6.3	6.77	Trung bình	Đạt	
316	C180987	Nguyễn Trương Mỹ	24/8/2003	Nữ	Kế toán doanh nghiệp	8.1	8.9	8.37	Giỏi	Đạt	
317	C180989	Trần Ngọc	13/4/2004	Nam	Chăn nuôi - Thú y	6.9	6.7	6.83	Trung bình	Đạt	
318	C180993	Nguyễn Lê	22/12/2000	Nam	Thanh nhạc	6.9	6.7	6.83	Trung bình	Đạt	

Số sinh viên đạt: 318; Số sinh viên không đạt: 0

NGƯỜI LẬP BẢNG

PHÒNG ĐT & QL SV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC

Gia Lai, ngày 31 tháng 7 năm 2025

CN. Lê Văn Lợi

CN. Trần Thế Hưng

Ths. Nguyễn Thanh Ngọc

PGS.TS. Đoàn Đức Tùng